

Bản án số: 39/2022/HS-ST
Ngày: 27-9-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà.

2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà
Trần M Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 8
năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HS ngày
13 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Trịnh Dương B, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường
trú: 1144/4 đường L, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú:
Khu phố TN, thị trấn D, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Kỹ
thuật viên; trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:
Th chúa; Quốc tịch: Việt Nam; cha là Trịnh Quốc (Đã chết) và mẹ là Dương
Thị Thanh T; bị cáo sống như vợ chồng với Huỳnh Thị Như Q; bị cáo có 02
người con, lớn nhất sinh năm 2008 (con riêng của bị cáo), nhỏ nhất sinh năm
2021 là con chung với Huỳnh Thị Như Q; bị cáo là con thứ ba trong gia đình
có 04 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 29/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ
Công an huyện M. “Có mặt”

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Dương B: Bà Tạ Thị T1 – Luật sư của
Công ty Luật TNHH Một thành viên TD thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa –
Vũng Tàu. “Có mặt”

Bị hại: Bà Trần Thị N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: D69, Tổ A, ấp P, xã TT, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Có mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: B50, Tổ AA, ấp P, xã TT, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Có đơn xin vắng mặt”

2. Bà Dương Thị Thanh Th, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu phố TN, thị trấn D, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Có đơn xin vắng mặt”

3. Chị Huỳnh Thị Như Q, sinh năm 2002.

Hộ khẩu thường trú: 102/42 TQ, phường T, Quận , Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Khu phố TN, thị trấn D, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Có mặt”

4. Bà Dương Thị Thanh T, sinh năm 1958.

Hộ khẩu thường trú: 1144/4 đường L, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Khu phố TN, thị trấn D, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Có mặt”

5. Bà Trần Thị Thơm, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp P, xã TT, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Có đơn xin vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Dương B là nhân viên kỹ thuật phụ trách bộ phận Camera của Công ty trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật Công nghệ Hoàng M Vũng Tàu, trụ sở tại B50, Tổ 1, ấp P, xã TT, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do ông Nguyễn Đức M làm giám đốc. Tháng 9/2021, thông qua hình ảnh giám sát Camera trong Công ty, B phát hiện ông M và bà Trần Thị N là kế toán của Công ty có quan hệ tình dục với nhau, sau đó B lưu lại đoạn Video này vào điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh của mình và 01 USB. Ngày 10/9/2021, B sử dụng điện thoại Samsung Galaxy Note 9 có số thuê bao 0933554681 nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho bà N để thông báo về việc B đang giữ đoạn video có nội dung quan hệ nam nữ giữa bà N và ông M, đồng thời B chụp màn hình điện thoại một tấm hình cảnh bà N và ông M đang quan hệ với nhau gửi qua cho bà N để làm bằng chứng. Nếu bà N muốn mua lại USB có nội dung Video trên thì phải đưa cho B số tiền 300.000.000 đồng đổi lấy đoạn Video, bà N xin đưa cho B số tiền 250.000.000 đồng, B đồng ý. Nhưng do B còn nợ bà N số tiền 10.000.000 đồng và nợ Công ty số tiền 10.540.000 đồng nên bà N yêu cầu trừ số tiền trên vào tổng số tiền 250.000.000 đồng, B đồng ý.

Ngày 13/9/2021, bà N chuyển theo yêu cầu của B số tiền 229.460.000 đồng vào số tài khoản 12466767 của bà Dương Thị Thanh Th (là dì của B) mở tại Ngân hàng ACB. Sau khi nhận được tiền B giao lại 01 USB (bên trong có chứa nội dung quan hệ nam nữ giữa ông M và bà N) cho ông M, hiện ông M đã vứt bỏ USB nên Công an không thu giữ được.

Đến ngày 10/12/2021, B tiếp tục nhắn tin cho bà N nói rằng mình vẫn còn giữ đoạn Video của bà N và nói có người muốn mua lại đoạn Video này. B yêu cầu bà N chuyển tiếp cho mình số tiền 50.000.000 đồng thì sẽ xóa toàn bộ Video và hình ảnh. Do lo sợ nên bà N tiếp tục chuyển cho B số tiền 20.000.000 đồng vào số tài khoản 6005281008238 của Huỳnh Thị Như Q (là người đang sống như vợ chồng với B) mở tại ngân hàng Agribank. Sau khi chiếm đoạt 02 lần tiền với tổng số tiền 270.000.000 đồng B đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 07/3/2022, bà N làm đơn tố cáo hành vi của B đến Cơ quan Công an huyện M, đồng thời giao nộp 29 tờ giấy A4 ghi lại nội dung các tin nhắn trao đổi giữa bà N và B qua ứng dụng Zalo và các giao dịch chuyển tiền của bà N.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Trịnh Dương B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên và giao nộp cho Công an 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh, số imei 357451093265480, gắn sim số 0933554681 (số seri sim: 8401201151559464). Qua kiểm tra điện thoại, Công an huyện M đã trích xuất nội dung các tin nhắn giữa bà N và B qua ứng dụng Zalo ra 51 tờ giấy A4 và trích xuất 02 đoạn Video có độ dài 49 giây và 29 phút 05 giây ghi lại cảnh quan hệ nam nữ của bà N và ông M ra 01 đĩa DVD, dung lượng 702MG.

Về trách nhiệm dân sự:

B đã nhờ mẹ mình là bà Dương Thị Thanh T bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà N số tiền 45.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng là của bà T.

Bà N yêu cầu B bồi thường trả lại cho bà N số tiền chiếm đoạt là 270.000.000 đồng, nhưng trừ đi số tiền đã bồi thường 45.000.000 đồng, còn lại 225.000.000 đồng.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng bà N yêu cầu B bồi thường tổn thất tinh thần nay bà N không yêu cầu B phải bồi thường khoản tiền này.

Về vật chứng:

Đối với 01 đĩa DVD, dung lượng 702MG (bên trong có 01 đoạn video có độ dài 49 giây và 29 phút 05 giây ghi lại cảnh quan hệ nam nữ của chị N và ông M) đang lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh (số imei 357451093265480), gắn sim số 0933554681 có số seri sim: 8401201151559464, hiện đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện M chờ xử lý.

Bản Cáo trạng số 36/CT-VKSĐĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố Trịnh Dương B tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Cáo trạng, đồng thời đã phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả xảy ra cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Trịnh Dương B phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Trịnh Dương B mức án từ 08 đến 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa T1 bồi thường giữa B và bà N về việc B có trách nhiệm bồi thường cho bà N số tiền 225.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Bị cáo sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh (số imei 357451093265480) nhắn tin uy hiếp bị hại để cưỡng đoạt tài sản là phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án, đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

Đối với 01 Sim số 0933554681 (số seri sim: 8401201151559464) có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không có giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 đĩa DVD, dung lượng 702MG, bên trong có đoạn video độ dài 49 giây và 29 phút 05 giây ghi lại cảnh quan hệ nam nữ của bà N và ông M là chứng cứ trong vụ án, đề nghị lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối chị Huỳnh Thị Như Q và bà Dương Thị Thanh Th đã cho B nhờ tài khoản Ngân hàng để nhận tiền từ bà N, nhưng chị Q và bà Th không biết số tiền B nhờ chuyển vào tài khoản của mỗi người là tiền B chiếm đoạt của bà N nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị Q và bà Th.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Dương B là bà Tạ Thị T1 trình bày bào chữa: Bà T1 đồng ý với tội danh, điều luật và tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ như luận tội của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tới hoàn cảnh của bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình có mẹ già và con nhỏ, nhân thân chưa có tiền án tiền sự cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Bị cáo đồng ý với ý kiến của người bào chữa và không bổ sung gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo gửi lời xin lỗi tới bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về lo cho gia đình, vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Trịnh Dương B là nhân viên kỹ thuật phụ trách bộ phận Camera của Công ty trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật Công nghệ Hoàng M Vũng Tàu, có trụ sở tại xã TT, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Khoảng tháng 9/2021, qua theo dõi Camera giám sát của Công ty B phát hiện bà Trần Thị N – Kế toán và ông Nguyễn Đức M – Giám đốc quan hệ tình dục với nhau tại Công ty nên đã lưu lại đoạn Video này vào điện thoại và một USB, ngày 10/9/2021 B dùng hình ảnh và đoạn Video nhắn tin cho bà N qua ứng dụng Zalo uy hiếp bà N chiếm đoạt được số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 13/9/2021. Ngày 10/12/2021, B tiếp tục dùng hình ảnh và đoạn Video trên đe uy hiếp bà N và chiếm đoạt được số tiền 20.000.000 đồng. Như vậy, B đã chiếm đoạt của bà N 02 lần, tổng số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Điều 170 Bộ luật hình sự quy định “1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

.....
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”

Hành vi của Trịnh Dương B đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[3]. Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố Trịnh Dương B tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật B vệ, gây ảnh hưởng xấu trong xã hội. Bị cáo nhận thức rõ về hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì coi thường pháp luật và muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài cho bản thân nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã uy hiếp bị hại chiếm đoạt được số tiền 250.000.000 đồng ngày 13/9/2021 và ngày 10/12/2021

bị cáo tiếp tục uy hiếp chiếm đoạt của bị hại số tiền 20.000.000 đồng, các lần bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại đều cấu thành tội phạm nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 45.000.000 đồng nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và xác định bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; đã ăn năn, hối cải về hành vi của mình nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Trần Thị N yêu cầu bị cáo B bồi thường tổng số tiền đã chiếm đoạt là 270.000.000 đồng, nhưng nay B và gia đình đã bồi thường cho bà N được 45.000.000 đồng nên bà N yêu cầu B tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 225.000.000 đồng, B đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà N. Xét thấy thỏa T1 giữa B và bà N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận sự thỏa T1 của các bên về việc B có trách nhiệm bồi thường cho bà N số tiền còn lại là 225.000.000 đồng.

Bà Dương Thị Thanh T (là mẹ của bị cáo B) đã thay B bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà N số tiền 45.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng là của bà T, nhưng bà T không yêu cầu B phải trả lại cho bà T số tiền này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên ghi nhận và dành quyền khởi kiện cho bà T đối với B bằng một vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị xem xét trách nhiệm dân sự phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh (số imei 357451093265480) thu giữ của bị cáo sử dụng nhắn tin, gửi hình ảnh để uy hiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại là phương tiện liên quan tới việc phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

Đối với 01 sim số 0933554681 (số seri sim: 8401201151559464) là vật liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 đĩa DVD, dung lượng 702MG bên trong chứa đoạn Video có độ dài 49 giây và 29 phút 05 giây ghi lại hình ảnh quan hệ tình dục giữa bà N

và ông M là chứng cứ trong vụ án dạng dữ liệu điện tử nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[8]. Đối với chị Huỳnh Thị Như Q và bà Dương Thị Thanh Th đã cho B nhờ tài khoản Ngân hàng của mình để nhận tiền từ bà N, sau đó rút tiền đưa lại cho B, nhưng chị Q và bà Th không biết số tiền B nhờ nhận là tiền do B chiếm đoạt của người khác nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị Q và bà Th là phù hợp.

[9]. Về án phí:

- Về án phí hình sự: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên được xem là thỏa T1 được với nhau về việc bồi thường trước khi mở phiên tòa, do đó bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Trịnh Dương B phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trịnh Dương B: 08 (Tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thỏa T1 về việc bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Trịnh Dương B và bị hại bà Trần Thị N như sau: Trịnh Dương B có trách nhiệm bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh (số imei 357451093265480);

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) Sim số 0933554681 (số seri sim: 8401201151559464).

Toàn bộ vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện M đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 41/BB ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa Công an huyện M và Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc Trịnh Dương B phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333; Điều 336 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (27/9/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy